

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm co trong vùng 1,308 – 1,320 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,314.46 điểm, gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng, tuy nhiên 13/18 ngành giảm điểm cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số ngành nhất định, tiêu biểu là Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường vẫn đang trong giai đoạn tạo nền quanh ngưỡng 1,315. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng vì đây là vùng kháng cự cứng – trước khi đà bán tháo xảy ra trên diện rộng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL vận động ngược chiều với đà giảm của VN30, ngoại trừ 4111F7000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+0.62** điểm, đóng cửa tại **1314.46** điểm. HNX-Index **-0.47** điểm, đóng cửa tại **216.32** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.12)**, **VHM (+0.68)**, **GEE (+0.50)**, **VIC (+0.45)**, **GEX (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-0.70)**, **TCB (-0.57)**, **VPB (-0.36)**, **MSN (-0.28)**, **BID (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,032** tỷ đồng, giảm **-40.05%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,921 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.45 điểm. Thị trường có **162** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **150** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-134.53** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-126.39 tỷ)**, **MSN (-108.22 tỷ)**, **MWG (-88.69 tỷ)**, **HCM (-66.10 tỷ)**, **HPG (-53.36 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-47.70** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.08%**. Các mã diễn biến tích cực:
DCM (+2.53%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+1.70%)
ACB (+1.19%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.20%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+5.31%) [\(Link báo cáo\)](#)
HAH (+3.81%) [\(Link báo cáo\)](#)
BMP (+3.48%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.08%	0.20%	0.05%	-0.01%
1 tuần	-0.25%	-0.37%	1.00%	1.80%
1 tháng	7.81%	7.49%	8.54%	8.16%
3 tháng	27.22%	-3.71%	1.37%	4.11%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,314.46	216.32	96.22
% 1D	0.05%	-0.22%	0.08%
GTKL (tỷ VND)	15,032	967	446
%1D	-40.05%	-31.57%	-23.56%
GDNN (tỷ VND)	-134.53	-47.70	-14.86

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	79.01	FPT	-126.39
VHM	68.61	MSN	-108.22
VIC	61.88	MWG	-88.69
STB	61.38	HCM	-66.10
TCH	42.98	HPG	-53.36

Thị trường thế giới

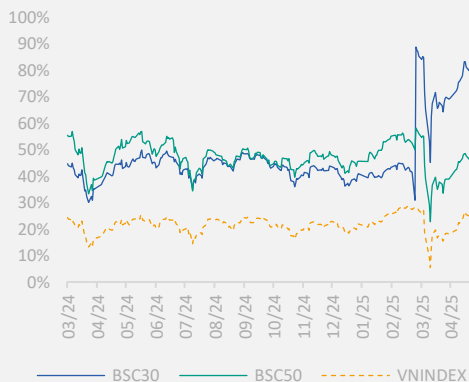
		%D	%W
SPX	5,842	-0.04%	-1.27%
FTSE100	8,758	0.22%	0.85%
Eurostoxx	5,420	0.05%	0.22%
Shanghai	3,348	-0.94%	-0.57%
Nikkei	37,160	0.47%	-1.63%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.22	0.30%
Giá vàng	3,329	0.85%
Tỷ giá		
USD/VND	26,130	-0.08%
EUR/VND	30,170	-0.23%
JPY/VND	185	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.03%
LS LNH 1M	4.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

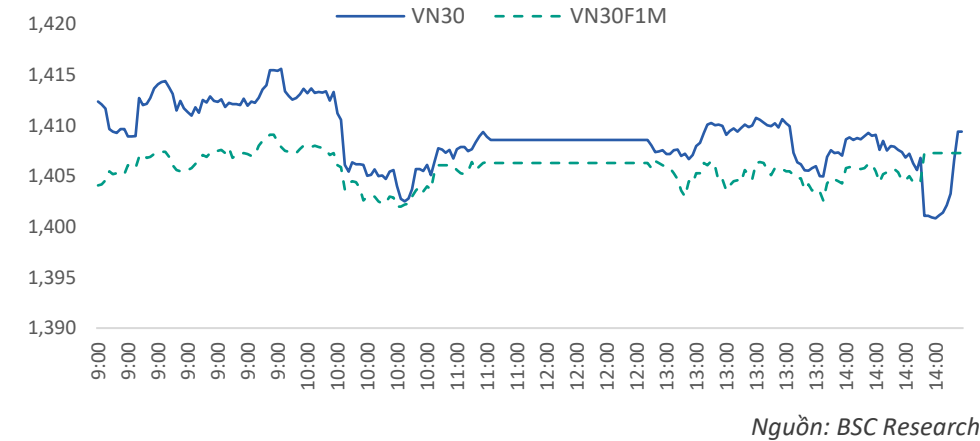
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1402.00	0.14%	51	-78.8%	9/18/2025	118
VN30F2512	1401.90	0.06%	377	423.6%	12/18/2025	209
41I1F7000	1406.00	-0.10%	307	-48.0%	7/17/2025	55
VN30F2506	1406.50	0.32%	155,881	-27.8%	6/19/2025	27

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -0.16 điểm, đóng cửa tại 1409.4 điểm. Biên độ dao động 15.14 điểm. Các cổ phiếu như TCB, MSN, VPB, HPG, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Thị trường giằng co trong bối cảnh thiếu thông tin hỗ trợ. VN30 kết phiên gần như đi ngang so với phiên trước đồng thời thanh khoản thị trường ghi nhận sụt giảm. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL vận động ngược chiều với đà giảm của VN30, ngoại trừ 41I1F7000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2406	7/28/2025	66	305,900	-63.74%	1.90	1,850	12.1%	5.94	9.30	25.65	25.65
CVNM2507	9/19/2025	119	10,000	-83.11%	6.78	320	10.3%	6.08	9.34	55.30	55.30
CVRE2501	6/26/2025	34	14,100	-62.57%	1.80	2,600	8.8%	7.95	9.60	25.65	25.65
CVRE2408	8/14/2025	83	5,200	-65.65%	2.00	2,270	8.6%	7.89	8.81	25.65	25.65
CACB2506	6/30/2025	38	1,900	-83.80%	2.74	380	8.6%	9.44	3.50	21.60	21.60
CTCB2406	6/30/2025	38	75,100	-75.79%	2.80	900	8.4%	5.47	7.30	30.15	30.15
CVRE2410	6/30/2025	38	203,800	-75.09%	2.19	1,050	8.2%	5.87	6.39	25.65	25.65
CVRE2505	10/23/2025	153	200	-57.19%	1.70	4,640	7.7%	11.99	10.98	25.65	25.65
CHPG2509	8/5/2025	74	36,100	-83.79%	2.80	450	7.1%	7.61	4.15	25.60	25.60
CVRE2510	12/19/2025	210	149,500	-67.21%	2.21	1,550	6.9%	5.87	8.41	25.65	25.65
CVRE2506	7/21/2025	59	589,000	-65.15%	1.90	1,760	6.7%	5.94	8.94	25.65	25.65
CVRE2503	10/27/2025	157	77,800	-58.83%	1.80	4,380	6.3%	11.94	10.56	25.65	25.65
CVRE2407	11/4/2025	165	35,500	-52.44%	1.60	5,300	6.2%	12.04	12.20	25.65	25.65
CFPT2405	8/14/2025	83	13,600	-82.53%	13.41	710	6.0%	10.46	20.46	117.10	117.10
CVNM2506	7/21/2025	59	78,000	-85.54%	6.56	180	5.9%	6.10	8.00	55.30	55.30
CVRE2509	11/19/2025	180	254,400	-66.33%	2.16	1,620	5.9%	5.89	8.64	25.65	25.65
CFPT2510	2/23/2026	276	283,500	-66.99%	15.40	930	5.7%	4.09	38.65	117.10	117.10
CACB2404	7/28/2025	66	887,400	-79.91%	2.50	460	4.5%	4.78	4.34	21.60	21.60
CVRE2508	10/20/2025	150	14,300	-65.66%	2.09	1,680	4.3%	5.90	8.81	25.65	25.65
CSSB2504	2/23/2026	276	107,100	-76.45%	2.31	520	4.0%	4.10	4.39	18.65	18.65

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 23/05/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.12%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.65%.
- CVIC2502, CVIC2405, CVIC2503, CVHM2408, CVIC2407 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	68.80	1.03%	1.02
STB	41.80	1.70%	0.83
VIC	93.00	0.54%	0.81
ACB	21.60	1.17%	0.63
VRE	25.65	1.18%	0.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	30.15	-1.15%	-0.99
MSN	63.20	-1.25%	-0.92
VPB	18.10	-1.09%	-0.49
HPG	25.60	-0.19%	-0.25
MWG	64.20	-0.16%	-0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	63.00	3.28%	1.12	2.34
VHM	68.80	1.03%	0.68	4.11
GEE	101.60	6.95%	0.50	0.31
VIC	93.00	0.54%	0.45	3.88
GEX	33.70	5.31%	0.36	0.86

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	76.80	5.06%	0.35	0.14
VIF	17.10	8.92%	0.33	0.35
HGM	304.00	5.56%	0.13	0.01
DTK	12.90	1.57%	0.09	0.68
BAB	11.20	0.90%	0.06	0.96

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TEG	6.14	6.97%	0.01	1.04
SMA	9.84	6.96%	0.00	0.00
GEE	101.60	6.95%	0.60	2.21
HU1	6.04	6.90%	0.00	0.00
PAC	34.85	6.90%	0.03	0.68

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VE3	9.40	9.30%	0.00	0.00
SVN	5.90	9.26%	0.04	2.73
SDC	8.30	9.21%	0.01	0.00
BNA	8.40	9.09%	0.09	0.34
GLT	36.30	9.01%	0.12	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	90.30	-1.85%	-0.70	1.79
TCB	30.15	-1.15%	-0.57	7.06
VPB	18.10	-1.09%	-0.36	7.93
MSN	63.20	-1.25%	-0.28	1.51
BID	35.85	-0.42%	-0.25	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	173.40	-3.29%	-0.72	0.20
MBS	26.40	-1.86%	-0.18	0.57
IDC	39.40	-1.99%	-0.16	0.33
KSF	63.50	-1.24%	-0.15	0.30
HUT	12.60	-1.56%	-0.11	0.89

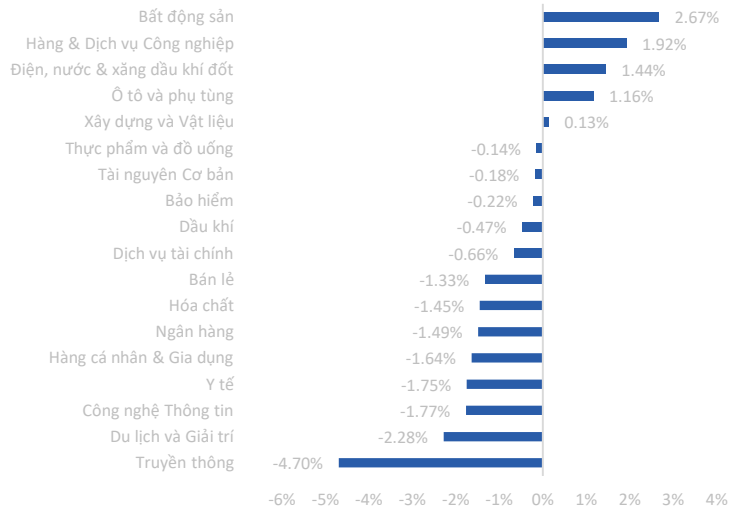
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CMV	8.91	-6.99%	0.00	0.05
PNC	21.40	-6.96%	0.00	0.00
TDH	4.51	-6.24%	-0.01	1.04
DAT	7.35	-6.01%	-0.01	0.01
SMC	10.65	-4.05%	-0.01	0.29

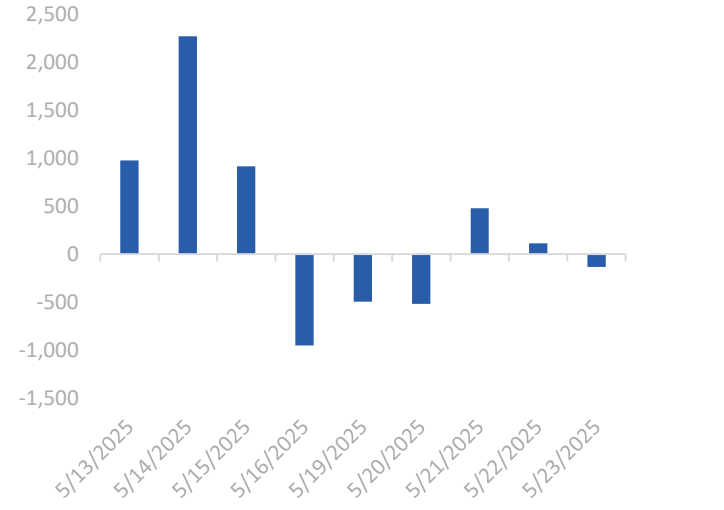
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PIC	23.00	-9.80%	-0.28	0.00
QTC	16.20	-9.50%	-0.02	0.02
SDU	16.00	-9.09%	-0.11	0.02
SDA	3.40	-8.11%	-0.03	0.06
BPC	12.00	-7.69%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.2	-0.2%	1.6	94,948	492.1	2,981	21.5		48.0%	
KBC	Bất động sản	26.5	0.0%	1.5	20,342	126.3	1,629	16.3		17.1%	
KDH	Bất động sản	28.2	-0.4%	1.2	28,464	60.2	896	31.4		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.1	-1.8%	1.6	14,606	143.7	180	89.3	23,600	11.1%	Link
VHM	Bất động sản	68.8	1.0%	1.1	282,590	501.2	7,766	8.9	58,200	11.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	117.1	0.3%	1.0	173,464	779.8	5,616	20.9	163,000	41.3%	Link
BSR	Dầu khí	17.6	1.2%	0.0	54,414	24.6	(37)	-477.4		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.0	-1.1%	1.3	12,427	88.7	2,303	11.3	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.2	-1.8%	1.5	18,107	244.0	1,394	18.1		39.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	0.0%	1.3	45,810	379.4	1,546	15.1		34.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.3	-0.7%	1.3	26,031	182.5	1,602	22.6		30.5%	
DCM	Hóa chất	34.5	2.5%	1.4	18,238	181.9	2,805	12.3	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	87.8	-1.1%	1.5	33,345	114.9	8,224	10.7	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	21.6	1.2%	0.9	110,952	366.9	3,224	6.7	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	-0.4%	1.0	251,716	119.1	3,643	9.8	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.8	-0.1%	1.0	208,356	171.1	4,806	8.1	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.1	0.2%	1.0	77,241	330.8	3,985	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	24.7	0.0%	1.0	150,421	419.4	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	-0.4%	1.1	30,160	106.8	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	41.8	1.7%	0.9	78,802	441.0	5,767	7.3		21.2%	
TCB	Ngân hàng	30.2	-1.2%	1.2	213,005	938.8	3,013	10.0	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	-0.4%	1.2	35,006	175.1	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.8	-0.2%	0.6	474,602	213.8	4,063	14.0		22.2%	
VIB	Ngân hàng	18.2	0.3%	1.0	54,220	113.9	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-1.1%	1.0	143,604	274.1	2,030	8.9	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.6	-0.2%	1.1	163,744	284.5	1,954	13.1	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	0.0%	1.4	10,091	53.5	749	21.7	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.9	1.1%	1.6	9,337	146.6	3,930	7.1	32,200	2.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	63.2	-1.3%	1.2	90,904	271.3	1,518	41.6		24.8%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.3	0.6%	0.5	115,575	296.6	4,194	13.2		48.6%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.0	-1.99%	1.7	7,013	38.6	2,098	15.3	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	163.3	-0.79%	1.2	22,248	22.9	3,279	49.8	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.7	0.30%	1.2	36,856	12.4	2,975	16.7	27.0%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.6	-1.89%	1.5	9,514	105.5	321	48.6	3.5%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.8	0.00%	1.5	14,587	139.0	372	45.0	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	22.8	-1.30%	1.3	4,066	59.7	436	52.3	2.9%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.4	1.74%	1.4	8,862	60.9	839	31.4	19.8%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	39.4	-1.99%	1.4	13,002	90.2	4,982	7.9	16.9%	31.2%	
NLG	Bất động sản	34.7	0.73%	1.5	13,343	57.2	1,827	19.0	42.3%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.1	0.15%	0.0	13,706	20.8	6,076	10.7	4.7%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.0	-0.45%	1.3	5,940	44.5	2,036	16.2	2.3%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	18.9	3.29%	1.5	12,596	245.7	1,279	14.7	9.8%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	93.0	0.54%	1.2	355,601	392.9	2,823	33.0	7.8%	8.0%	
VRE	Bất động sản	25.7	1.18%	1.0	58,285	281.7	1,844	13.9	18.8%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.4	0.60%	1.1	7,057	24.3	1,654	20.2	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	34.4	-1.29%	0.9	43,645	35.3	1,535	22.4	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.0	-0.55%	1.1	10,006	40.2	1,246	14.5	7.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.2	-1.72%	1.7	11,509	86.1	1,650	20.7	27.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.4	-1.86%	1.7	15,121	99.2	1,650	16.0	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	3.28%	0.9	147,588	81.7	4,543	13.9	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.4	-1.84%	1.0	31,264	101.6	546	24.4	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.4	-0.28%	1.0	33,159	35.7	4,511	15.6	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.8	0.69%	0.5	47,553	49.9	2,783	31.6	12.3%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.7	5.31%	1.5	30,411	477.0	1,954	17.3	8.7%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.3	0.38%	1.0	22,396	102.6	3,797	14.0	39.8%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	79.0	3.81%	1.3	10,262	96.6	5,594	14.1	12.2%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.6	-0.46%	1.2	7,690	21.0	3,026	7.1	10.7%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	109.0	0.00%	0.0	13,274	77.7	3,235	33.7	6.2%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	79.0	0.13%	1.1	26,695	51.9	6,105	12.9	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.3	0.33%	0.8	3,081	55.5	2,869	10.5	49.8%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.8	-1.18%	1.3	2,060	4.9	2,580	6.5	16.3%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.6	0.60%	1.2	13,149	79.7	1,223	27.5	8.9%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.0	0.56%	1.6	108,000	48.8	1,174	23.0	0.8%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	21.4	1.42%	1.1	39,862	464.8	1,856	11.5	4.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.0	0.16%	0.6	95,444	52.2	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.5	2.64%	0.0	24,020	45.8	2,809	6.2	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.7	-0.47%	1.0	26,384	20.2	1,189	9.0	19.2%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.6	-0.79%	1.5	5,639	45.9	1,122	11.2	5.3%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.9	0.34%	1.5	3,954	6.9	612	24.3	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.2	-0.42%	0.8	10,686	89.8	1,430	24.6	2.9%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	-0.40%	1.2	63,423	25.1	3,217	15.4	59.2%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	52.6	-0.94%	1.3	11,806	34.3	5,567	9.5	22.5%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.8	3.48%	1.1	11,690	53.9	13,288	10.8	85.7%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.2	0.00%	1.5	7,815	55.7	3,238	24.2	47.8%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.0	0.33%	1.3	10,409	52.1	4,754	19.1	8.6%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	61.9	1.48%	1.4	3,900	77.0	3,738	16.6	8.5%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-0.82%	1.5	5,756	79.4	1,097	11.1	7.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.45%	1.3	7,922	20.2	1,237	17.9	16.6%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.1	0.44%	1.4	13,798	271.2	988	23.3	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.1	-3.15%	1.5	19,301	41.7	2,720	15.8	5.8%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>